

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 31/2018/DS-ST

Ngày: 22-10-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Dư

2. Ông Nguyễn Đại Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường P, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Bà Dương Thị Mỹ L, sinh năm: 1971

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố H, phường P, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố S, phường N, thành phố V, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt).

NỘI D VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:*

Vào ngày 02/01/2018 (nhằm ngày 16/11/2017 âm lịch) do chỗ quen biết nên bà Dương Thị Mỹ L có mượn của bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 469.000.000đ để làm ăn, nuôi con ăn học. Khi mượn hai bên có viết giấy nợ, trả dần mỗi ngày 700.000đ, hai bên không thỏa thuận tiền lãi. Từ ngày 02/01/2018 đến ngày 11/4/2018, bà L trả cho bà D 32.100.000đ, còn nợ 436.900.000đ. Cụ

thể bà L trả được như sau: 41 ngày trả 700.000đ là 28.700.000đ, 02 ngày trả 500.000đ là 1.000.000đ, 08 ngày trả 300.000đ là 2.400.000đ. Nhưng bà L cho rằng còn nợ bà D số tiền 416.900.000đ, bà đồng ý với ý kiến của bà L còn nợ bà D số tiền 416.900.000đ. Mặc dù bà D nhiều lần yêu cầu bà L phải trả hết số nợ nhưng bà L không trả mà còn gây khó khăn. Do đó, bà D yêu cầu bà L phải trả cho bà một lần số tiền 416.900.000đ và không yêu cầu tiền lãi; bà không đồng ý với đề nghị của bà L trả 200.000.000đ, mỗi tháng trả dần 1.000.000đ.

** Tại biên bản đối chất ngày 31/7/2018, nguyên đơn bà D trình bày:* Bà bắt đầu cho bà L vay tiền từ ngày 06/7/2017 đến ngày 18/8 âm lịch năm 2017 số tiền vay 315.000.000đ, ít nhất 5.000.000đ, nhiều nhất 50.000.000đ; hai bên thỏa thuận bà L trả góp hàng ngày cho bà cứ 100.000.000đ thì trả 2.000.000đ, lãi hàng tháng là 9%. Số tiền này bà L đã trả xong cho bà.

Từ ngày 25/8/2017 âm lịch đến ngày 22/10/2017 âm lịch, bà L tiếp tục vay của bà 1.145.000.000đ, ít nhất 10.000.000đ, nhiều nhất 150.000.000đ; hai bên thỏa thuận, bà L trả góp hàng ngày cho bà cứ 100.000.000đ thì trả 2.000.000đ, số tiền này bà chưa lấy lãi; tính đến ngày 10/12/2017 dương lịch bà L trả được 522.200.000đ, còn nợ lại 622.800.000đ. Sau đó, bà L nhờ bà đóng 02 đầu huê và bớt 1 số tiền, còn nợ lại 500.000.000đ. Bà L tiếp tục trả 32.100.000đ và còn nợ lại 416.900.000đ là tiền gốc, bà yêu cầu bà L trả cho bà một lần, không yêu cầu tiền lãi.

** Tại bản tự khai ngày 12/7/2018 và biên bản hòa giải ngày 24/7/2018, bị đơn bà L trình bày:*

Từ năm 2016 do quen biết, bà có vay tiền của bà D. Bà vay góp mỗi lần 5.000.000đ hoặc 10.000.000đ, có thể 20.000.000đ. Thời gian cụ thể của các ngày vay bà không nhớ nhưng tổng cộng bà vay của bà D số tiền 449.000.000đ. Vào ngày 16/11/2017 âm lịch, bà D ép bà nhận nợ bà D số tiền là 469.000.000đ. Do bà D dùng giang hồ đe dọa nên bà buộc phải ghi số nợ đó vào trong giấy nhận nợ; giấy nhận nợ ngày 16/11/2017 âm lịch do tự tay bà viết và bà có viết câu “Giấy này thay cho các văn bản trước đây”. Số nợ 449.000.000đ thực tế là nợ gốc cộng với nợ lãi hàng tháng mà bà không trả được, chứ không phải là bà đã vay tiền gốc 449.000.000đ nhưng bà không có giấy tờ gì chứng minh. Khi ghi giấy nhận nợ bà có thỏa thuận mỗi ngày trả cho bà D 700.000đ. Từ ngày viết giấy nhận nợ, bà đã trả được cho bà D 32.100.000đ theo đúng như đơn khởi kiện của bà D nộp tại Tòa. Bà xin trình bày thêm: Trong ngày 16/11/2017 âm lịch, bà D yêu cầu bà viết 02 tờ giấy nợ; bà viết giấy nhận nợ 500.000.000đ, hẹn trả 700.000đ ngày, có ghi trước đây đóng trả là 34.000.000đ, sau đóng được là 17.000.000đ, vậy bà trả được 51.000.000đ, còn nợ 449.000.000đ; giấy nhận nợ 469.000.000đ là giấy viết lần thứ 2. Nay bà chốt lại còn nợ bà D số tiền 416.900.000đ. Nhưng bà xin trả cho bà D 200.000.000đ. Do bà đang có hoàn cảnh khó khăn, không đủ trả nợ xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

Tại biên bản đối chất ngày 31/7/2018 bị đơn bà L trình bày: Bà vay tiền của bà D từ ngày 06/7/2016 âm lịch đến ngày 22/10/2017 âm lịch, số tiền vay 1.475.000.000đ, ít nhất 5.000.000đ, nhiều nhất 150.000.000đ; hai bên thỏa thuận bà trả góp hàng ngày cho bà D cứ 10.000.000đ thì trả 200.000đ lãi suất 10%/tháng, cứ 02 tháng bà trả góp xong số tiền từng ngày; ngày 22/10/2017 âm lịch, bà D đưa bà 50.000.000đ. Đến ngày 24/10/2017 âm lịch bà không trả tiền

được cho bà D nữa, bà D chốt số tiền bà còn nợ là 622.800.000đ có cả gốc và lãi. Bà đóng 02 đầu huê từ ngày 25/8/2017 âm lịch, mỗi tháng 17.000.000đ, đóng 02 tháng là 34.000.000đ cho bà D; từ ngày 30/10/2017 âm lịch bà tiếp tục trả mỗi ngày 1.400.000đ, bà trả được 17.000.000đ; tổng cộng là 51.000.000đ. Bà D bớt cho bà 122.800.000đ nên bà còn nợ lại bà D số tiền 500.000.000đ, trừ 51.000.000đ bà đã trả còn nợ 449.000.000đ, sau đó bà tiếp tục trả cho bà D được 32.100.000đ, nợ lại 416.900.000đ cả gốc và lãi.

** Nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ:* Giấy nhận nợ số tiền 469.000.000 đồng, ghi ngày 16/11/2017 người ký Dương Thị Mỹ L; Giấy “Bắt đầu gởi cho D Ngày 16/11 A Lịch”, “đóng được 1 tháng 21.000 Hai mươi một triệu”; Giấy “02- Tháng 2 A lịch/2018 Trả 02/2018. Bắt đầu trả lại là 1 ngày 700”; Giấy ghi trả nợ từ 19/2 đến 24/2: 300; 25 (nợ); 26/2: 300”; Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị Hồng D.

** Bị đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ:* Giấy nợ số tiền 500.000.000đ; giấy trừ nợ còn 449.000.000đ; Giấy A3 ghi: (1) 163.200, (2) 137.100, (3) 220.700, (4) 15000, (5) 87.400, 01 tờ giấy học sinh gồm 02 trang ghi ngày từ 06/7 lấy 07/7 đóng 15.000 đến ngày 22/9 23/9 150.000; 01 tờ giấy học sinh gồm 02 trang ghi ngày từ 23/9 24/9 60.000 đến ngày 22/10 23/10 50.000; 01 tờ giấy bìa thuốc lá JET ghi (20) 30-10: 8800, mặt sau có ghi số 6.22.800 .

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội D vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà L phải trả cho bà D số tiền nợ 416.000.000 đồng. Bà L phải nộp tiền án phí Dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Nguyễn Thị Hồng D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố V giải quyết buộc bà Dương Thị Mỹ L phải trả cho bà số tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 16/11/2017 âm lịch. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

[2] *Về nội D vụ án:* Căn cứ vào lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa thì bà D và bà L có mâu thuẫn với nhau về thời điểm vay, số tiền vay nhưng các bên thống nhất ngày 16/11/2017 âm lịch bà L có viết giấy nhận nợ bà D số tiền 469.000.000đ hẹn một ngày trả 700.000đ, hai bên không thỏa thuận lãi suất; bà L đã trả cho bà D 32.100.000đ, bà D và bà L đều chốt số nợ còn lại là 416.900.000đ. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận bà L còn nợ bà D số tiền 416.900.000đ là sự thật. Bà

L cho rằng số nợ trên là cả gốc và lãi nhưng bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh sự việc này và bà D cũng không thừa nhận, đồng thời giấy nhận nợ ngày 16/11/2017 âm lịch do bà L viết không thể hiện bà nợ bà D tiền gốc và lãi nên không có cơ sở để xác định số tiền nợ 416.900.000đ là nợ gốc và lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà L phải trả cho bà số tiền nợ 416.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi; bà L đề nghị chỉ trả cho bà D 200.000.000đ và trả dần mỗi tháng 1.000.000đ.

Xét thấy: Việc vay tài sản giữa nguyên đơn bà D và bị đơn bà L là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, quá trình vay tài sản đã diễn ra một thời gian, bị đơn không thực hiện việc trả nợ mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bị đơn trả, đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà L phải trả cho bà D số nợ gốc 416.000.000đ là có cơ sở, phù hợp với Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà L phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Cụ thể: $416.000.000đ \times 4\% = 16.640.000đ$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và 469 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng D. Buộc bà Dương Thị Mỹ L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 416.000.000đ (Bốn trăm mười sáu triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Dương Thị Mỹ L phải nộp 20.640.000đ (Hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng D 10.738.000đ (Mười triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2016/0012350 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Quy định: Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hồng D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Dương Thị Mỹ L không thi hành khoản tiền phải trả thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng D, bà Dương Thị Mỹ L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p V;
- CCTHADS t.p V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công